

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**



PHẠM VĂN TRÌNH

**PHÂN TÍCH CHUỖI GIÁ TRỊ
MIỀN DONG TẠI TỈNH CAO BẰNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

THÁI NGUYÊN - 2016

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**



PHẠM VĂN TRÌNH

**PHÂN TÍCH CHUỖI GIÁ TRỊ
MIỀN DONG TẠI TỈNH CAO BẰNG**

Chuyên ngành: Phát triển nông thôn

Mã số ngành: 60.62.01.16

LUẬN VĂN THẠC SĨ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS Trần Ngọc Ngoạn

THÁI NGUYÊN - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan số liệu và kết quả nghiên cứu trong đề tài: “***Phân tích chuỗi giá trị Miến dong tại tỉnh Cao Bằng***” được thu thập, điều tra, khảo sát thực tế một cách trung thực, đánh giá đúng thực trạng của địa phương nơi nghiên cứu.

Mọi sự giúp đỡ trong quá trình thực hiện nghiên cứu đã được cảm ơn, các thông tin tham khảo trong luận văn đều được trích dẫn và chỉ rõ nguồn gốc.

Thái Nguyên, tháng 9 năm 2016

Học viên

Phạm Văn Trình

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên cho phép tôi được trân trọng cảm ơn tới Văn Phòng UBND tỉnh Cao Bằng, Sở Nông nghiệp và PTNT Cao Bằng đã tạo điều kiện cho tôi được tham gia khóa đào tạo Thạc sĩ Phát triển nông thôn. Xin chân thành cảm ơn các thầy, cô giáo trong Ban Giám hiệu Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên, Phòng Quản lý Đào tạo sau đại học, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn đã tận tụy giúp đỡ tôi trong suốt thời gian học tập và hoàn thành Luận văn tốt nghiệp. Xin bày tỏ sự kính trọng và biết ơn sâu sắc tới GS.TS Trần Ngọc Ngoạn đã tận tình hướng dẫn tôi trong suốt quá trình thực hiện đề tài: **“Phân tích chuỗi giá trị Miến dong tỉnh Cao Bằng”**.

Cảm ơn sự quan tâm, tạo điều kiện của Phòng Nông nghiệp và PTNT Nguyên Bình, chính quyền và bà con nông dân các xã: Thành Công, Nguyễn Huệ (Hòa An),... đã giúp đỡ tôi trong quá trình điều tra, khảo sát tại cơ sở để thực hiện Đề tài tốt nghiệp của mình.

Trong phạm vi, khuôn khổ của đề tài sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được những ý kiến góp ý của các thầy giáo, cô giáo, bạn học và đồng nghiệp để Đề tài này được hoàn thiện hơn, góp phần thực hiện thắng lợi đề án tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Cao Bằng.

Xin trân trọng cảm ơn !

Thái Nguyên, tháng 9 năm 2016

Học viên

Phạm Văn Trình

MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| LỜI CAM ĐOAN | i |
| LỜI CẢM ƠN | ii |
| MỤC LỤC | iii |
| DANH MỤC CÁC BẢNG..... | vi |
| DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, HÌNH..... | vii |
| MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Tính cấp thiết của đề tài | 1 |
| 2. Mục tiêu nghiên cứu..... | 2 |
| 3. Ý nghĩa của đề tài | 3 |
| Chương 1: TỔNG QUAN TÀI LIỆU | 4 |
| 1.1. Cơ sở khoa học của đề tài | 4 |
| 1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về chuỗi giá trị..... | 4 |
| 1.1.2. Filière (Chuỗi)..... | 4 |
| 1.1.3. Khung phân tích của Porter..... | 6 |
| 1.1.4. Chuỗi giá trị toàn cầu | 8 |
| 1.1.5. Sử dụng khái niệm "chuỗi giá trị" của Kaplinsky trong nghiên cứu nông sản..... | 9 |
| 1.1.6. Chuỗi giá trị của nông sản..... | 10 |
| 1.1.7. Các hoạt động liên kết của chuỗi giá trị..... | 12 |
| 1.1.8. Chuỗi giá trị vì người nghèo | 15 |
| 1.1.9. Chi phí, lợi nhuận và giá trị gia tăng..... | 17 |
| 1.1.10. Nâng cấp CGT..... | 19 |
| 1.1.11. Các dịch vụ hỗ trợ nâng cấp, phát triển CGT | 20 |
| 1.1.12. Các công cụ phân tích chuỗi giá trị..... | 22 |
| 1.1.13. Một số khái niệm dùng cho tính toán..... | 27 |
| 1.1.14. Ý nghĩa của phân tích chuỗi giá trị | 29 |

| | |
|--|-----------|
| 1.2. Cơ sở thực tiễn | 30 |
| 1.2.1. Tình hình nghiên cứu chuỗi giá trị trên thế giới | 30 |
| 1.2.2. Tình hình nghiên cứu chuỗi giá trị đối với các ngành hàng thuộc lĩnh vực trồng trọt ở Việt Nam..... | 32 |
| Chương 2: ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU | 36 |
| 2.1. Đối tượng, phạm vi | 36 |
| 2.1.1. Đối tượng nghiên cứu..... | 36 |
| 2.1.2. Phạm vi nghiên cứu..... | 36 |
| 2.2. Nội dung nghiên cứu | 36 |
| 2.3. Phương pháp nghiên cứu..... | 36 |
| 2.4. Các thông tin cần thu thập..... | 38 |
| 2.4.1. Các thông tin chung | 38 |
| 2.4.2. Nhập hàng và xuất hàng..... | 38 |
| 2.4.3. Xu thế | 38 |
| 2.4.4. Trao đổi (mua bán) | 38 |
| 2.4.5. Chính sách và các qui định liên quan..... | 39 |
| 2.4.6. Thách thức và cơ hội..... | 39 |
| Chương 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU | 40 |
| 3.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Bằng..... | 40 |
| 3.1.1. Điều kiện tự nhiên..... | 40 |
| 3.1.2. Điều kiện kinh tế - Xã hội..... | 43 |
| 3.1.3. Tình hình sản xuất nông nghiệp tỉnh Cao Bằng..... | 46 |
| 3.1.4. Định hướng và mục tiêu phát triển của tỉnh Cao Bằng trong lĩnh vực nông nghiệp và xóa đói giảm nghèo | 48 |
| 3.2. Tình hình canh tác Dong riềng và sản xuất miến dong tại Cao Bằng..... | 52 |
| 3.2.1. Địa bàn, diện tích và sản lượng..... | 52 |

| | |
|---|-----------|
| 3.2.2. Khó khăn, thách thức trong sản xuất kinh doanh và phát triển CGT | |
| Miền giồng Cao Bằng | 57 |
| 3.2.3. Tiềm năng phát triển CGT Miền dong Cao Bằng | 58 |
| 3.2.4. Tiềm năng mở rộng quy mô sản xuất..... | 59 |
| 3.2.5. Tiềm năng nâng cao năng xuất, chất lượng sản phẩm | 59 |
| 3.2.6. Tiềm năng mở rộng thị trường | 60 |
| 3.3. Tác nhân cung cấp đầu vào | 62 |
| 3.3.1. Dịch vụ giống, phân bón và thuốc BVTV | 62 |
| 3.3.2. Dịch vụ tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật..... | 62 |
| 3.3.3. Công cụ sản xuất | 63 |
| 3.3.4. Vốn đầu tư sản xuất..... | 63 |
| 3.4. Tác nhân sản xuất và chế biến..... | 64 |
| 3.5. Tác nhân thu gom và phân phối | 69 |
| 3.6. Tác nhân thương mại, bán hàng và tiêu dùng | 73 |
| 3.7. Chi phí và lợi nhuận | 76 |
| 3.8. Liên kết..... | 80 |
| 3.9. Quản trị..... | 82 |
| 3.10. Giải pháp | 83 |
| 3.10.1. Giải pháp cho dịch vụ cung cấp đầu vào | 83 |
| 3.10.2. Giải pháp cho tổ chức sản xuất, khoa học công nghệ..... | 83 |
| 3.10.3. Giải pháp thị trường | 84 |
| 3.10.4. Giải pháp liên kết | 84 |
| 3.10.5. Giải pháp về quản trị | 84 |
| KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ | 86 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 91 |
| PHỤ LỤC | 92 |

DANH MỤC CÁC BẢNG

| | |
|---|----|
| Bảng 3.1: Một số yếu tố khí tượng đặc trưng năm tại một số vùng thuộc tỉnh Cao Bằng (2014 và 2015)..... | 42 |
| Bảng 3.2: Điều kiện kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng | 44 |
| Bảng 3.3: Diện tích, sản lượng dong riềng tại huyện Nguyên Bình..... | 52 |
| Bảng 3.4: Tổng số hộ và số hộ nghèo canh tác cây dong riềng..... | 53 |
| Bảng 3.5: Thực trạng các hộ chia theo địa bàn nghiên cứu | 53 |
| Bảng 3.6: Thực trạng sản xuất Dong riềng của hộ theo địa bàn nghiên cứu.. | 54 |
| Bảng 3.7: Phương thức bán hàng theo địa bàn nghiên cứu. | 55 |
| Bảng 3.8: Tình thu gom và phương thức thanh toán. | 56 |
| Bảng 3.9: Tổng chi phí để sản xuất 1 kg củ dong tươi | 77 |
| Bảng 3.10: GTGT và lợi nhuận theo tác nhân | 78 |

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, HÌNH

| | |
|---|----|
| Hình 1.1. Chuỗi giá trị của Porter..... | 7 |
| Hình 1.2 Hệ thống giá trị..... | 8 |
| Đồ thị 3.1: Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo | 45 |
| Đồ thị 3.2: Phân bố lao động các ngành tại Cao Bằng, vùng TDMNPB và cả nước | 46 |
| Đồ thị 3.3: Hiện trạng sử dụng đất nông lâm nghiệp tỉnh Cao Bằng (2015).. | 47 |
| Sơ đồ 1.1: Sơ đồ các quy trình/khâu cốt lõi..... | 16 |
| Sơ đồ 1.2: Sơ đồ các tác nhân và khâu cốt lõi trong CGT Miền đông Cao Bằng..... | 17 |
| Sơ đồ 1.3: Các dịch vụ cơ bản trong từng khâu | 22 |
| Sơ đồ 3.4: Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây Dong đúng cách theo hướng dẫn của Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Nguyên Bình | 65 |
| Sơ đồ 3.5: Dòng luân chuyển khối lượng củ dong tươi và bột dong Cao Bằng..... | 70 |
| Sơ đồ 3.6: Dòng luân chuyển khối lượng miến đến các tác nhân thu gom tại Cao Bằng | 71 |
| Sơ đồ 3.7: Dòng luân chuyển khối lượng miến đến người tiêu dùng..... | 75 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cao Bằng là tỉnh nằm ở phía Đông Bắc Việt Nam. Hai mặt Bắc và Đông Bắc giáp với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), với đường biên giới dài 333 km. Phía Tây giáp tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang. Phía nam giáp tỉnh Bắc Kạn và Lạng Sơn. Tỉnh Cao Bằng có diện tích đất tự nhiên 6.690,72 km², là cao nguyên đá vôi xen lẫn núi đất, có độ cao trung bình trên 200 m, vùng sát biên có độ cao từ 600- 1.300m so với mặt nước biển. Rừng núi chiếm hơn 90% diện tích toàn tỉnh. Từ đó hình thành nên 3 vùng rõ rệt: Miền Đông có nhiều núi đá, miền Tây núi đất xen núi đá, miền Tây nam phần lớn là núi đất có nhiều rừng rậm. Trong những năm gần đây Cao Bằng đã có nhiều bước phát triển mạnh mẽ, song vẫn còn hết sức khó khăn do địa hình hiểm trở, chia cắt và có nền khí hậu phức tạp khiến cho việc phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân gặp không ít khó khăn, nhất là đối với lĩnh vực nông - lâm nghiệp.

Hiện nay, Cao Bằng có tổng diện tích đất gieo trồng cả năm hơn 95.000 ha. Ngoài các cây trồng truyền thống như lúa, ngô..., Cao Bằng là địa phương nổi tiếng với các cây công nghiệp: Thuốc lá, trúc sào, mía, dong riềng, lạc, thạch đen... Xác định phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa và mô hình liên kết "4 nhà" là hướng đi tất yếu trong sản xuất nông nghiệp, biện pháp tối ưu nhất để thúc đẩy phát triển nông nghiệp hàng hóa, tỉnh đã có những chính sách khuyến khích các công ty, doanh nghiệp, các hợp tác xã trong và ngoài tỉnh thực hiện tốt việc liên kết, tổ chức lại sản xuất cùng phát triển một số cây trồng sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa.

Dong riềng được trồng để chế biến lấy bột làm miến, bánh, hạt trân châu nấu chè... mang lại hiệu quả kinh tế rất cao cho người trồng và chế biến; Một ha Dong riềng thường đạt từ 50 - 150 tấn củ tươi, tương đương 70 - 200 triệu đồng, nếu được chế biến thành bột thì giá trị tăng gấp 3 lần. Đặc biệt do Dong riềng là cây trồng rất dễ tính, có thể trồng trên nhiều địa hình khác nhau, thích